TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày 13 - 5 - 2025
V/v "T/c hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hòe; Bà Lê Thị Nga.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*:* Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Krông K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk *(có mặt)*

Bị đơn: Bà Huyền Tôn Nữ Kim C, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số 101 Nguyễn Tất T, Tổ dân phố H, thị trấn Krông K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk *(có mặt).*

Người làm chứng: Chị Huỳnh Thị Nhật T; Anh Huỳnh Văn Đ

Cùng địa chỉ: TDP H, thị trấn Krông K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk *(chị T có mặt; Anh Đ vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng H, trình bày:

Tôi với bà Huyền Tôn Nữ Kim C là bà con với nhau nên tôi có cho bà C vay mượn tiền nhiều đợt như sau:

Đợt 1: Ngày 28/5/2022 (nhằm ngày 28/4/2022 ÂL) cho vay 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, ngày trả nợ là 28/7/2022 (nhằm ngày 28/6/2022 ÂL).

Đợt 2: Ngày 28/7/2022 cho vay 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, ngày trả nợ là 28/01/2023.

Đợt 3: Ngày 24/10/2022 cho vay 75.000.000 đồng *(Bảy mươi lăm trăm triệu đồng)*, hẹn 01 tháng trả nợ.

Đợt 4: Cho vay thêm 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, không ghi ngày tháng năm cho vay, không ghi ngày trả nợ.

Các đợt 1, 2, 3 cho vay chúng tôi đều lập giấy viết tay, có bà C tự viết và ký nhận, đợt 4 cho vay không lập giấy vay mà chỉ ghi thêm vào giấy vay lần thứ 3, có chị Huỳnh Thị Nhật T ký nhận tiền vay giúp cho bà C, mục đích sử dụng là bà C sửa chữa nhà và sử dụng cho mục đích cá nhân, do tất cả các khoản nợ đều đã quá hạn từ lâu mà bà C mới chỉ trả được số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 350.000.000 đồng, tôi đã rất nhiều lần đòi nợ nhưng bà C trốn tránh không chịu trả.

Tại giấy vay lần thứ nhất có cả anh Huỳnh Kim Đ và chị Huỳnh Thị Nhật T là con của bà C cùng ký vào giấy vay nợ nhưng chỉ là người làm chứng, tất cả các khoản tiền chỉ có bà C sử dụng nên tôi khởi kiện chỉ yêu cầu bà C phải trả nợ.

Các khoản tiền tôi cho bà C vay mượn vì là chị em với nhau nên tôi có vay của người khác để giúp cho bà C giải quyết công việc trong thời gian ngắn nên thỏa thuận lãi suất 20%/năm nhưng không ghi vào giấy nợ. Các khoản tiền đều là tiền tôi đi vay người khác, các khoản vay bà C mới trả lãi được 03 tháng thì không trả nữa, hàng tháng tôi đều phải tự bỏ tiền ra trả lãi cho người cho vay.

Tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huyền Tôn Nữ Kim C phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền nợ gốc và lãi như sau

Đợt 1: Ngày 28/5/2022 (nhằm ngày 28/4/2022 ÂL) cho vay 120.000.000 đồng

(Một trăm hai mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, ngày trả nợ là 28/7/2022 (nhằm ngày 28/6/2022 ÂL). Tính lãi từ ngày 28/8/2022 đến hết ngày 20/02/2025 là 29 tháng 24 ngày: 20%/năm x 120.000.000 đồng x 29 tháng 24 ngày = 59.600.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 28/7/2022 cho vay 120.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi triệu đồng)*, thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, ngày trả nợ là 28/01/2023. Tính lãi từ ngày 28/10/2022 đến hết ngày 20/02/2025 là 27 tháng 24 ngày: 20%/năm x 120.000.000 đồng x 27 tháng 24 ngày = 55.600.000 đồng.

Đợt 3: Ngày 24/10/2022 cho vay 75.000.000 đồng *(Bảy mươi lăm trăm triệu đồng)*, hẹn 01 tháng trả nợ. Tính lãi từ ngày 24/01/2023 đến hết ngày 20/02/2025 là 24 tháng 28 ngày: 20%/năm x 75.000.000 đồng x 24 tháng 28 ngày = 31.166.666 đồng.

Đợt 4: Cho vay thêm 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, Không ghi ngày tháng năm cho vay nhưng sau lần vay thứ 3 khoảng 10 ngày, bà C cam kết trả nợ trong thời hạn 10 ngày nhưng không ghi vào giấy nợ. Tính lãi từ ngày 01/3/2023 đến hết ngày 20/02/2025 là 23 tháng 20 ngày: 20%/năm x 50.000.000 đồng x 23 tháng 20 ngày = 19.722.221 đồng.

Tổng cả gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 20/02/2025 là 516.088.887 đồng *(Năm trăm mười sáu triệu không trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám bảy đồng)*. Trong đó: nợ gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất là 166.088.887 đồng. Tôi yêu cầu bà C tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 21/02/2025 cho đến khi trả xong nợ gốc.

- Bị đơn: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bà Huyền Tôn Nữ Kim C, trình bày: Qua yêu cầu khởi kiện của bà H thì tôi có ý kiến như sau:

+ Lần vay thứ nhất, vào ngày 28/5/2022 tôi có vay 120.000.000 đồng, giấy mượn tiền là do tôi viết và ký nhận, thời hạn vay là 02 tháng. Có thỏa thuận lãi là 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Số lãi tôi đã trả được mấy tháng nhưng tôi không nhớ cụ thể, tôi đã trả xong toàn bộ nợ gốc và lãi nhưng không nhớ trả vào thời điểm nào.

+ Giấy vay lần thứ hai, ngày 28/7/2022 với số tiền vay là 120.000.000 đồng, giấy mượn tiền là do tôi viết và ký nhận. Đối với tờ giấy vay này là tờ giấy viết lại của khoản nợ lần một, viết vào thời điểm chưa trả nợ của khoản nợ vay lần một, do bà H nói là tờ giấy lần thứ nhất bị thất lạc nên viết lại giấy để thay thế chứ không có khoản nợ này. Do tin tưởng nên tôi viết lại cho bà H để làm tin, khẳng định không

có khoản nợ lần thứ 2.

+ Ngày 24/10/2022 tôi có viết giấy vay và ký nhận số tiền 75.000.000 đồng, hẹn 01 tháng trả nợ. Sau đó khoảng mấy ngày thì con tôi là Huỳnh Thị Nhật T có ký nhận vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này con tôi nhận thay và có đem về cho tôi sử dụng. Có thỏa thuận lãi suất là 2.000đ/1.000.000đ/ngày, khoản nợ này tôi cũng đã trả được cả gốc và lãi đầy đủ nhưng không lấy lại giấy nợ.

Tôi khẳng định có viết giấy về vay mượn tiền của bà H 02 lần với số tiền nợ gốc là 245.000.000 đồng, cả hai khoản nợ tôi đều đã trả đủ cả gốc và lãi nhưng không nói bà H viết giấy nhận tiền. Tuy nhiên, là chị em tin tưởng nhau nên tôi không lấy lại các tờ giấy vay mượn tiền nên bà H căn cứ vào đó để khởi kiện yêu cầu tôi phải trả cả tiền gốc và lãi như vậy tôi không đồng ý. Đối với giấy vay tiền vào ngày 28/7/2022 do bà H nói là giấy vay ngày 28/5/2022 bị mất nên chỉ là viết giấy lại để thay thế giấy vay lần đầu bị thất lạc chứ không có nhận tiền.

Các đương sự không thỏa thuận được.

- Người làm chứng: tại biên bản lấy lời khai bà Huỳnh Thị Nhật T trình bày: Bản thân tôi không biết chữ nên đề nghị Tòa án lấy lời khai của tôi. Trước đây mẹ tôi là Huyền Tôn Nữ Kim C và bà Nguyễn Thị Mộng H có vay tiền với nhau, những khoản vay trước đó thì tôi không biết. Tôi chỉ biết khoản vay cách đây 03 năm tôi có làm chứng cho mẹ tôi có vay tiền của bà H là 50.000.000 đồng. Tôi không có vay tiền của bà H. Tiền lãi trước đó mẹ tôi với bà H có thỏa thuận là 5.000đồng/1 triệu/ngày. Theo lời khai mẹ tôi là đã trả cho bà H cả tiền gốc và tiền lãi xong rồi. Nay bà H khởi kiện mẹ tôi thì tôi không có ý kiến gì. Tôi chỉ mong Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho mẹ tôi.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu HĐXX xem xét buộc bà Huyền Tôn Nữ Kim C phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể và các khoản vay thì bà C đều đã trả lãi được 03 tháng, theo đơn khởi kiện bà Hoa yêu cầu tính lãi 20%/năm, tại phiên tòa bà H chỉ tính lãi suất 10%/năm. Bắt đầu tính tháng thứ tư từ ngày vay đến hết ngày 13/5/2025.

Đợt 1: Ngày 28/5/2022 cho vay 120.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 28/8/2022 đến hết ngày 13/5/2025 là 32 tháng 15 ngày: 10%/năm x 120.000.000 đồng x 32

tháng 150 ngày = 32.500.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 28/7/2022 cho vay 120.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 28/10/2022 đến hết ngày 13/5/2025 là 30 tháng 15 ngày: 10%/năm x 120.000.000 đồng x 30 tháng 15 ngày = 30.500.000 đồng.

Đợt 3: Ngày 24/10/2022 cho vay 75.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 24/01/2023 đến hết ngày 13/5/2025 là 27 tháng 20 ngày: 10%/năm x 75.000.000 đồng x 27 tháng 20 ngày = 17.291.666 đồng.

Đợt 4: Cho vay thêm 50.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 01/3/2023 đến hết ngày 13/5/2025 là 26 tháng 13 ngày: 10%/năm x 50.000.000 đồng x 26 tháng 13 ngày = 11.013.888 đồng.

Tiền lãi các khoản vay tạm tính đến hết ngày 13/5/2025 là 91.305.554 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 13/5/2025 là 441.305.554 đồng. Trong đó: nợ gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất là 91.305.554 đồng.

Bà H xin rút một phần yêu cầu đối với phần lãi suất 10%/năm.

- Bị đơn: Bà C trình bày: Qua yêu cầu khởi kiện của bà H, bà C thừa nhận là có vay tiền của bà H 03 lần với số tiền là 245.000.000 đồng. Tuy nhiên, đã trả đủ toàn bộ cả gốc và lãi nhưng không nhớ trả vào thời điểm nào, do là có mối quan hệ bà con nên chủ quan không lấy lại giấy nợ nên bà H tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền như bà H yêu cầu là không đúng sự thật nên bà C không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tống đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của BLTTDS.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định bà Huyền Tôn Nữ Kim C có viết và ký giấy vay của bà H số tiền 350.000.000 đồng, bà C cũng thừa nhận có ký giấy vay tiền nhưng cho rằng đã trả xong tiền nợ cho bà H. Tuy nhiên, không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến phản đối của mình nên không có căn cứ để chấp nhận. Việc bà H cho bà C vay tiền là có thực tế và được bà C thừa nhận. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà Chi trả nợ là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Huyền Tôn Nữ Kim C phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất bà H tính 10%/năm là phù hợp với quy định nên đề nghị HĐXX chấp nhận, lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 91.305.554 đồng. Tổng cộng là 441.305.554 đồng. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu lãi suất 10%/năm của bà H xin rút tại phiên tòa.

Bà Huyền Tôn Nữ Kim C phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa bà Nguyễn Thị Mộng H với bà Huyền Tôn Nữ Kim C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Mộng H có cho bà Huyền Tôn Nữ Kim C vay tiền 04 đợt như sau:

Đợt 1: Ngày 28/5/2022 (28/4/2022 ÂL) cho vay 120.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, ngày trả nợ là 28/7/2022 (28/6/2022 ÂL).

Đợt 2: Ngày 28/7/2022 cho vay 120.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, ngày trả nợ là 28/01/2023.

Đợt 3: Ngày 24/10/2022 cho vay 75.000.000 đồng, hẹn 01 tháng trả nợ.

Đợt 4: Cho vay thêm 50.000.000 đồng, không ghi ngày tháng năm cho vay, không ghi ngày trả nợ.

Tổng số tiền nợ là 365.000.000 đồng, các đợt 1, 2, 3 các bên đều lập giấy vay viết tay, có bà C ký nhận, đợt 4 cho vay không lập giấy vay mà chỉ ghi thêm vào giấy vay lần thứ 3, có chị Huỳnh Thị Nhật T ký nhận tiền vay giúp cho bà C, mục đích sử dụng là bà C sửa chữa nhà và sử dụng cho mục đích cá nhân. Do tất cả các khoản nợ đều đã quá hạn từ lâu mà bà C mới chỉ trả được số tiền 15.000.000 đồng nợ gốc, số tiền gốc còn nợ là 350.000.000 đồng, bà H đã rất nhiều lần đòi nợ nhưng bà C trốn tránh không chịu trả tiền. Nay bà H khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Huyền Tôn Nữ Kim C phải trả toàn bộ số tiền gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 91.305.554 đồng.

Bà C thừa nhận cả 03 tờ giấy vay tiền vào ngày 28/5/2022 ghi số tiền vay là 120.000.000 đồng; giấy vay ngày 28/7/2022 ghi số tiền vay là 120.000.000 đồng; Ngày 24/10/2022 ghi số tiền 75.000.000 đồng, các giấy vay tiền này đều do bà C viết và ký, mấy ngày sau khi vay số tiền 75.000.000 đồng thì bà C có vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này là con gái bà C tên Huỳnh Thị Nhật T ký nhận thay và đem tiền về cho bà C sử dụng, lần vay này không ghi giấy nợ mà chỉ ghi thêm vào tờ giấy vay ngày 24/10/2022, các khoản vay hai bên có thỏa thuận lãi là 5.000đ/1.000.000đ/ngày và đã trả được mấy tháng nhưng bà C không nhớ cụ thể. Bà C cho rằng Giấy vay lần thứ hai, ngày 28/7/2022 với số tiền vay là 120.000.000 đồng, đối với tờ giấy vay này là tờ giấy viết lại của khoản nợ lần một, viết vào thời điểm chưa trả nợ của khoản nợ vay ngày 28/5/2022, do bà H nói là tờ giấy lần thứ nhất bị thất lạc nên viết lại giấy để thay thế chứ không có khoản nợ này. Do tin tưởng nên bà C viết lại cho bà H để làm tin, bà C khẳng định không có vay khoản nợ lần thứ 2.

Bà C trình bày chỉ có vay mượn tiền của bà H 03 lần với số tiền nợ gốc là 245.000.000 đồng, cả hai khoản nợ đều đã trả đủ cả gốc và lãi nhưng không viết giấy nhận tiền. Tuy nhiên, là chị em tin tưởng nhau nên bà C không lấy lại các tờ giấy vay mượn tiền nên bà H căn cứ vào đó để khởi kiện yêu cầu bà C phải trả cả tiền gốc và lãi như vậy nên bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đối với các tờ giấy vay tiền viết tay mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký và chữ viết của bà C, bà C cũng đã thừa nhận việc này nên xác định đó là chứng cứ hợp pháp và để chứng minh có việc bà C vay tiền của bà H với tổng số tiền là 365.000.000 đồng, đã trả được 15.000.000 đồng, bà C cho rằng đã trả tiền cho bà H toàn bộ nợ gốc và lãi nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh nên ý kiến phản đối của bà C không được HĐXX chấp nhận. Xét yêu cầu khởi kiện bà H là hoàn toàn có căn cứ nên cần được HĐXX chấp nhận. Buộc bà Huyền Tôn Nữ Kim C phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Trong các giấy vay tiền không ghi lãi suất, bà H cho rằng có thỏa thuận lãi suất theo lãi Ngân hàng nhưng không ghi vào trong giấy vay tiền và các khoản vay bà C đều đã trả lãi được 03 tháng nhưng không nhớ số tiền cụ thể, bà C cho rằng các khoản vay hai bên có thỏa thuận lãi là 5.000đ/1.000.000đ/ngày và đã trả được mấy tháng nhưng bà C không bao nhiêu tháng và không nhớ cụ thể số tiền đã trả. HĐXX thấy rằng việc vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không thống nhất mức lãi cụ thể, bà H chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận và buộc bà C phải trả cho bà H lãi suất tạm tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (13/5/2025) với số tiền lãi là 91.305.554 đồng là phù hợp (Đợt 1: tính lãi từ ngày 28/8/2022 đến hết ngày 13/5/2025 là 32 tháng 15 ngày: 10%/năm x 120.000.000 đồng x 32 tháng 10 ngày = 32.500.000 đồng; Đợt 2: tính lãi từ ngày 28/10/2022 đến hết ngày 13/5/2025 là 30 tháng 15 ngày: 10%/năm x 120.000.000 đồng x 30 tháng 15 ngày = 30.500.000 đồng; Đợt 3: tính lãi từ ngày 24/01/2023 đến hết ngày 13/5/2025 là 27 tháng 20 ngày: 10%/năm x 75.000.000 đồng x 27 tháng 20 ngày = 17.291.666 đồng; Đợt 4: tính lãi từ ngày 01/3/2023 đến hết ngày 13/5/2025 là 26 tháng 13 ngày: 10%/năm x 50.000.000 đồng x 26 tháng 13 ngày = 11.013.888 đồng).

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất 10%/năm của nguyên đơn, do nguyên đơn rút yêu cầu.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên buộc bà C phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch là [20.000.000đ + (91.305.554đ x 4%)] 23.652.222 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; 157; 241; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng H, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", đối với bị đơn bà Huyền Tôn Nữ Kim C.

1. Buộc bà Huyền Tôn Nữ Kim C phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mộng H tổng số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến hết ngày 13/5/2025 là 441.306.000 đồng *(Bốn trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm lẻ sáu ng hìn đồng)* (làm tròn số). Trong đó nợ gốc: 350.000.000 đồng; lãi suất tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (13/5/2025) là 91.306.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu trả lãi suất 10%/năm, do nguyên đơn xin rút tại phiên tòa.

4. Về án phí: Bà Huyền Tôn Nữ Kim C phải chịu số tiền là 23.652.222 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, bà Huyền Tôn Nữ Kim C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huyền Tôn Nữ Kim C.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản bán được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Hồi